

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Đợt 4 2024

(Theo QĐ số 1119/QĐ-CDCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng công thương TP HCM)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Công nghệ chế tạo máy									
Lớp: Công nghệ chế tạo máy									
1	2120040032	Tài Đại	Thoảng	Nam	28/08/2002	Ninh Thuận	93	6,44	Khá
2	2120040020	Huỳnh Quang	Truyền	Nam	09/07/2000	Tiền Giang	93	6,79	Khá
Lớp: Công nghệ chế tạo máy A									
1	2119040012	Nguyễn Quang	Huy	Nam	20/02/2001	Bình Định	92	7,37	Khá
2	2121040019	Nguyễn Hữu	Minh	Nam	25/03/2002	Hải Dương	105	7,47	Khá
3	2121040005	Trương Hoàng	Việt	Nam	28/08/2003	Bình Định	105	7,26	Khá
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
Lớp: Công nghệ KT cơ điện tử									
1	2121140029	Nguyễn Thanh	Hồ	Nam	29/08/2003	Bình Thuận	105	7,62	Khá
2	2121140014	Trần Quốc	Khánh	Nam	02/09/2003	Bình Định	105	7,32	Khá
3	2121140028	Nguyễn Phi	Long	Nam	25/06/2003	Lâm Đồng	105	7,49	Khá
4	2121140021	Hoàng Công	Vinh	Nam	02/08/2003	Đồng Nai	105	7,50	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử A									
1	2120140007	Phan Trung	Hiếu	Nam	17/12/2002	Bình Định	92	6,76	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử B									
1	2120140037	Võ Duy	Tâm	Nam	02/09/2002	Quảng Ngãi	92	7,38	Khá
Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí A									
1	2121030026	Nguyễn Văn	Bắc	Nam	31/01/2003	Hải Dương	105	7,82	Khá
2	2121030030	Nguyễn Tấn	Khả	Nam	01/10/2003	Phú Yên	105	7,16	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí B									
1	2120030035	Phạm Dương Quốc	Anh	Nam	19/01/2001	Long An	92	7,20	Khá
2	2121030054	Phan Khắc	Linh	Nam	03/03/2003	Bình Định	105	7,51	Khá
3	2121030046	Nguyễn Thành	Nguyên	Nam	10/06/2003	Bình Định	105	7,36	Khá
4	2121030047	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	30/06/2003	Đồng Nai	105	7,10	Khá
5	2121030036	Miêu Văn	Trên	Nam	20/10/2001	Ninh Thuận	105	7,16	Khá
6	2121030042	Lương Bá	Trọng	Nam	15/12/2003	Bình Thuận	105	7,62	Khá
7	2121030041	Lưu Nhật	Trường	Nam	03/05/2003	Tiền Giang	105	7,04	Khá
8	2121030052	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	30/04/2003	Bình Định	105	6,64	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí C									
1	2119030073	Ngô Huy	Hoàng	Nam	26/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,88	Khá
2	2120030076	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	30/09/2002	Bình Thuận	92	7,28	Khá
3	2120030094	Trần Văn	Sang	Nam	28/11/2002	Tây Ninh	92	7,53	Khá
4	2121030089	Chê Việt	Cường	Nam	10/11/2003	Đồng Nai	105	7,26	Khá
5	2121030076	Nguyễn Thanh	Nhật	Nam	16/05/2003	Phú Yên	105	7,40	Khá
6	2121030080	Phạm Anh	Phúc	Nam	18/09/2003	Bình Phước	105	7,21	Khá
7	2121030095	Hồ Giang	Sang	Nam	29/12/2003	Gia Lai	105	6,93	Khá
8	2121030078	Nguyễn Quốc	Toàn	Nam	19/06/2003	Đắk Lắk	105	7,72	Khá
9	2121030149	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	24/02/2003	Đồng Nai	105	7,29	Khá
Lớp: Công nghệ kỹ thuật cơ khí D									
1	2120030130	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	03/11/2001	Tây Ninh	92	6,71	Khá
2	2121030113	Nguyễn Tấn	Bảo	Nam	27/03/2003	Bình Phước	105	7,26	Khá
3	2121030129	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng	Nam	15/01/2003	Đồng Nai	105	7,47	Khá
4	2121030126	Vũ Tuấn	Duy	Nam	10/04/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	7,31	Khá
5	2121030123	Nguyễn Trung	Hải	Nam	26/04/2003	Ninh Thuận	105	7,91	Khá
6	2121030150	Nguyễn Hữu	Thiện	Nam	24/02/2003	Đồng Nai	105	7,42	Khá
7	2121030162	Dương Quang	Thụy	Nam	20/08/2002	Cần Thơ	105	7,33	Khá
8	2121030107	Phan Minh	Trí	Nam	02/11/2003	Tiền Giang	105	6,83	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2118170483	Trần Du	Ký	Nam	23/04/2000	Phú Yên	90	6,46	Khá
2	2118170523	Phan Trọng	Tinh	Nam	01/06/2000	Đồng Nai	90	6,96	Khá
3	2119170210	Trần Tuấn	Đạt	Nam	28/11/2001	Nghệ An	92	6,66	Khá
4	2119170213	Tổng Văn	Lâm	Nam	22/04/2001	Đắk Lắk	92	6,92	Khá
5	2119170222	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/02/2001	Phú Yên	92	6,94	Khá
6	2120170691	Lê Ngọc	Anh	Nam	07/06/2002	Bình Phước	92	7,38	Khá
7	2120170230	Luận Văn	Phê	Nam	21/11/2002	Bình Định	92	6,97	Khá
8	2120170237	Phạm Nguyễn Thành	Tài	Nam	04/05/2002	Bình Phước	92	6,80	Khá
9	2121170236	Hoàng Kỳ	Anh	Nam	22/08/2003	Lâm Đồng	92	6,64	Khá
10	2121170226	Trần Văn	Hợp	Nam	16/07/2003	Đồng Nai	92	6,98	Khá
11	2121170232	Nguyễn Thanh	Hưng	Nam	28/12/2003	Bình Định	92	7,25	Khá
12	2121170231	Lê Minh	Kha	Nam	17/06/2003	Quảng Ngãi	92	7,27	Khá
13	2121170219	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	04/03/2003	Gia Lai	93	6,75	Khá
14	2121170230	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	29/12/2003	Bình Định	92	6,70	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô H

1	2119170256	Nguyễn Việt	Mẫn	Nam	27/06/2001	Bình Phước	92	6,68	Khá
2	2119170270	Nguyễn Hữu	Tường	Nam	10/05/2001	Quảng Ngãi	92	6,69	Khá
3	2120170253	Tăng Hồng	Cường	Nam	20/11/2002	Bình Định	92	6,93	Khá
4	2121170248	Lê Quốc	Hưng	Nam	20/03/2003	Tiền Giang	92	7,27	Khá
5	2121170663	Nguyễn Chí	Lĩnh	Nam	30/11/2003	Phú Yên	92	6,90	Khá
6	2121170261	Dương Công	Lý	Nam	19/01/2003	Tiền Giang	93	6,75	Khá
7	2121170273	Bùi Huy	Tuấn	Nam	18/01/2003	Bình Thuận	92	7,28	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô I

1	2120170294	Phạm Tuấn	Khai	Nam	05/11/2002	Bến Tre	92	6,92	Khá
2	2120170304	Nguyễn Minh	Thông	Nam	21/05/2001	Phú Yên	92	6,90	Khá
3	2121170310	Huỳnh Duy	Khánh	Nam	06/03/2003	Tiền Giang	92	6,87	Khá
4	2121170303	Huỳnh Nhựt	Lâm	Nam	15/12/2003	Long An	93	6,88	Khá
5	2121170283	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	23/03/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	7,82	Khá
6	2121170313	Phạm Văn	Trung	Nam	04/11/2003	Đồng Nai	93	6,87	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô J

1	2121170334	Huỳnh Tấn	Bảo	Nam	20/09/2003	Đắk Lắk	92	7,09	Khá
2	2121170339	Nguyễn Minh	Cánh	Nam	15/09/2003	Bình Định	92	6,79	Khá
3	2121170328	Phan Tuấn	Kiệt	Nam	09/07/2003	Đồng Tháp	92	6,91	Khá
4	2121170325	Mai Trúc	Nhã	Nam	22/03/2003	Đắk Lắk	92	7,16	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô K

1	2119170351	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	Nữ	30/04/2001	Quảng Ngãi	92	8,07	Giỏi
2	2119170353	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	18/10/2001	Tiền Giang	92	7,16	Khá
3	2120170362	Vũ Thái	Hòa	Nam	22/10/2001	Thanh Hoá	92	6,95	Khá
4	2120170370	Phạm Nguyễn Hoài	Nam	Nam	29/07/2002	Bình Định	92	6,73	Khá
5	2121170373	Nguyễn Hoàng	Dương	Nam	14/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,87	Khá
6	2121170357	Hoàng Văn	Mạnh	Nam	09/12/2003	Lâm Đồng	92	7,17	Khá
7	2121170376	Cái Trung	Nguyên	Nam	29/04/2003	Bình Thuận	92	7,26	Khá
8	2121170365	Nguyễn Trung	Thông	Nam	17/09/2003	Quảng Nam	92	6,95	Khá
9	2121170669	Phạm Cao	Văn	Nam	07/08/2003	An Giang	92	7,98	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô L

1	2120170714	Mống Văn	Thái	Nam	25/11/2002	Đắk Lắk	92	6,73	Khá
2	2121170409	Văn Viết	Phát	Nam	21/08/2003	Đồng Nai	92	6,98	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô M

1	2121170453	Nguyễn Huỳnh	An	Nam	03/11/2003	Cần Thơ	92	6,78	Khá
2	2121170438	Nguyễn Xuân	Hậu	Nam	29/10/2003	Bình Định	92	7,13	Khá
3	2121170451	Lê Quang	Hiệp	Nam	24/12/2002	Cần Thơ	92	7,07	Khá
4	2121170447	Tôn Trung	Khánh	Nam	08/05/2003	Long An	92	7,03	Khá
5	2121170428	Hồ Hoàng	Kiệt	Nam	03/03/2002	Gia Lai	92	6,97	Khá
6	2121170436	Trần Đặng Long	Nhân	Nam	02/10/2003	Bến Tre	92	6,85	Khá
7	2121170431	Phạm Văn	Sáng	Nam	14/11/2002	Đồng Nai	92	6,58	Khá
8	2121170425	Mai Hoàn	Thành	Nam	15/10/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,78	Khá
9	2121170441	Huỳnh Xuân	Thiện	Nam	27/12/2002	Phú Yên	92	6,94	Khá
10	2121170424	Dương Thanh	Tuấn	Nam	24/12/2003	Đắk Lắk	92	6,62	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
11	2121170437	Trần Văn	Vui	Nam	23/05/2003	Bến Tre	92	6,58	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô N

1	2119170477	Bùi Quang	Lân	Nam	20/01/2000	Bình Định	92	6,61	Khá
2	2120170466	Nguyễn Gia	Huy	Nam	02/12/2002	Bình Định	92	7,27	Khá
3	2121170468	Phan Võ Hoài	Ân	Nam	15/01/2003	Vĩnh Long	92	7,17	Khá
4	2121170674	Nguyễn Hồng	Danh	Nam	20/01/2003	Bình Định	92	8,03	Giỏi
5	2121170479	Trần Thanh	Thạch	Nam	18/09/2003	Gia Lai	92	6,83	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô O

1	2120170512	Trần Đức	Sinh	Nam	02/10/2002	Nam Định	92	7,53	Khá
2	2121170517	Lê Thanh Vinh	Khuong	Nam	29/09/2003	Bình Định	92	6,77	Khá
3	2121170504	Trần Minh	Tiến	Nam	12/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	92	8,02	Giỏi

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô P

1	2121170541	Võ	Cảnh	Nam	12/11/2003	Đồng Nai	92	7,49	Khá
2	2121170537	Quan Minh	Đức	Nam	31/08/2003	Bình Định	92	7,77	Khá
3	2121170529	Nguyễn Trần Trọng	Huy	Nam	16/06/2002	Bình Định	92	7,23	Khá
4	2121170550	Trần Huỳnh	Khang	Nam	17/06/2003	Bình Thuận	92	7,28	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô Q

1	2119170579	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,69	Khá
2	2120170795	Thái Hồng	Duy	Nam	16/01/2002	Quảng Ngãi	92	6,80	Khá
3	2120170581	Nguyễn Đức Trọng	Nghĩa	Nam	10/08/2002	Quảng Ngãi	92	6,31	Khá
4	2120170595	Lê Văn	Út	Nam	25/07/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,79	Khá
5	2121170562	Nguyễn Công	Tú	Nam	11/07/2003	Đắk Lắk	92	6,94	Khá

Lớp: Công nghệ kỹ thuật ô tô R

1	2120200232	A Đỗ Huy	Kao	Nam	22/09/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	7,50	Khá
2	2120170609	Lâm Gia	Kỳ	Nam	09/07/2002	Đồng Nai	92	6,49	Khá
3	2120170613	Nguyễn Thành	Luân	Nam	21/06/2001	Khánh Hoà	92	6,47	Khá
4	2121170626	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	20/11/2003	Đắk Lắk	92	6,68	Khá
5	2121170602	Phạm Công	Luận	Nam	26/06/2003	Phú Yên	92	7,02	Khá
6	2121170628	Phan Thanh	Phong	Nam	29/10/2003	Tiền Giang	92	7,24	Khá

Công nghệ kỹ thuật ô tô (CLC)

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô Chất lượng cao

1	2119170428	Trần Đức	Thành	Nam	16/01/2001	Đồng Tháp	90	7,37	Khá
---	------------	----------	-------	-----	------------	-----------	----	------	-----

Lớp: Công nghệ kỹ thuật Ô tô CLC

1	2121172017	Võ Duy	Cường	Nam	19/10/2003	Quảng Ngãi	102	7,02	Khá
2	2121172032	Nguyễn Minh	Đăng	Nam	14/05/2003	Tiền Giang	102	7,42	Khá
3	2121172014	Hà Văn	Hậu	Nam	05/03/2003	Đồng Nai	102	7,79	Khá
4	2121172010	Lê Trung	Hiếu	Nam	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	102	7,37	Khá
5	2121172026	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	09/09/2003	Bình Định	102	7,11	Khá
6	2121172013	Lê Hoàng	Linh	Nam	01/10/2003	Đồng Nai	102	7,06	Khá
7	2121172016	Hoàng Văn	Minh	Nam	26/02/2003	Đắk Nông	102	6,92	Khá
8	2121172029	Nguyễn Công	Minh	Nam	09/12/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	102	7,94	Khá
9	2121170050	Phạm Tấn	Quốc	Nam	30/03/2003	Phú Yên	102	7,47	Khá
10	2121172009	Võ Lê Thanh	Thái	Nam	04/12/2003	Quảng Ngãi	102	7,28	Khá
11	2121172004	Võ Tấn	Thành	Nam	19/06/2003	Phú Yên	102	7,31	Khá
12	2121172020	Dương Nguyễn Vinh	Thuận	Nam	19/12/2003	Đồng Nai	102	7,26	Khá
13	2121172024	Hắc Ngọc	Tuấn	Nam	17/01/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	102	7,92	Khá
14	2121172028	Trần Đình	Văn	Nam	19/06/2003	Bình Định	102	7,53	Khá
15	2121172030	Phạm Trường	Vũ	Nam	17/01/2003	Bình Định	102	7,43	Khá

Công nghệ thực phẩm

Lớp: Công nghệ thực phẩm A

1	2120210023	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	05/11/2002	Nam Định	92	7,46	Khá
2	2121210033	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	22/02/2003	Phú Yên	105	7,04	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm B

1	2121210046	Cao Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	21/01/2001	Đắk Lắk	105	7,72	Khá
2	2121210043	Lê Hùng	Lĩnh	Nam	03/11/2003	Bình Định	105	7,19	Khá
3	2121210044	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	01/01/2003	Bình Định	105	7,05	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm C

1	2120210085	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	Nữ	23/12/2002	Quảng Ngãi	93	7,33	Khá
---	------------	----------------	------	----	------------	------------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2121210097	Trần Văn	Nam	Nam	21/07/2003	Tiền Giang	105	7,54	Khá

Lớp: Công nghệ thực phẩm D

1	2121210013	Nguyễn Thiên	Ấn	Nữ	26/06/2003	Khánh Hoà	105	8,02	Giỏi
2	2121210026	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	15/01/2003	Long An	105	7,25	Khá

Lớp: Đảm bảo chất lượng

1	2120280001	Phạm Thị Hồng	Ánh	Nữ	10/06/2002	Phú Yên	92	6,43	Khá
2	2120280018	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	26/09/2002	Bình Định	92	7,17	Khá

Công nghệ da giày

Lớp: Công nghệ da giày A

1	2120070013	Lê Thanh	Lâm	Nam	25/11/2002	Quảng Ngãi	92	7,03	Khá
2	2121070022	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	27/08/2003	Đồng Nai	105	6,51	Khá
3	2121070006	Vương Văn	Liễn	Nam	03/03/2003	An Giang	105	7,81	Khá
4	2121070015	Đào Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/01/2003	Đồng Nai	105	8,03	Giỏi

Lớp: Công nghệ da giày B

1	2118070098	Hoàng Cẩm Thị Lan	Uyên	Nữ	02/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,72	Khá
2	2120110211	Đào Vĩnh	An	Nam	18/08/2002	Phú Yên	92	6,68	Khá

Công nghệ may

Lớp: Công nghệ may A

1	2121130018	Lý Thị	Duyên	Nữ	05/07/2003	Bình Định	92	6,88	Khá
2	2121130026	Trần Thị	Hào	Nữ	03/09/2003	Bình Định	92	7,07	Khá
3	2121130004	Trương Thị Thanh	Loan	Nữ	28/06/2003	Bình Định	92	6,54	Khá

Lớp: Công nghệ may B

1	2120130031	Đinh Thị Hồng	Ánh	Nữ	18/04/2002	Đồng Tháp	92	7,79	Khá
2	2120130043	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	11/06/2002	Bình Định	95	6,91	Khá
3	2121130033	Đạo Thị Kim	Hy	Nữ	24/11/2003	Ninh Thuận	92	6,78	Khá
4	2121130051	Trần Thị Tường	Vi	Nữ	09/03/2003	Bình Định	92	7,81	Khá

Lớp: Công nghệ may D

1	2119130106	Bùi Thị Anh	Thư	Nữ	03/06/2001	Bình Định	93	7,19	Khá
---	------------	-------------	-----	----	------------	-----------	----	------	-----

Lớp: Công nghệ may F

1	2119240226	Võ Lê Huyền	Trang	Nữ	06/05/2001	Bình Định	92	7,41	Khá
---	------------	-------------	-------	----	------------	-----------	----	------	-----

Công nghệ thông tin

Lớp: Công nghệ thông tin A

1	2119110012	Phạm Tấn	Huy	Nam	13/04/2001	Phú Yên	92	6,27	Khá
2	2119110021	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	16/09/2001	Phú Yên	92	6,47	Khá
3	2120110008	Trịnh Hoài	Đức	Nam	02/04/2002	Bình Dương	92	6,71	Khá
4	2120110031	Nguyễn Trung	Trường	Nam	22/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,96	Khá
5	2121110013	Tạ Vĩnh	Lộc	Nam	01/01/2003	Bình Định	105	6,66	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin B

1	2119110040	Nguyễn Thị Linh	Diệu	Nữ	20/08/2001	Bình Định	92	7,41	Khá
2	2119110041	Nguyễn Minh	Đức	Nam	25/08/2001	Bình Định	93	6,51	Khá
3	2119110067	Cao Đình	Vũ	Nam	20/12/2000	Quảng Ngãi	92	7,58	Khá
4	2120110333	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	Nam	18/11/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,96	Khá
5	2121110060	Nguyễn Cao	Hùng	Nam	30/04/2003	Kiên Giang	105	6,36	Khá
6	2121110067	Võ Duy	Tân	Nam	31/03/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,69	Khá
7	2121110058	Phan Phú	Yên	Nam	30/05/2003	Quảng Ngãi	105	6,71	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin C

1	2119110344	Trần Như Tuấn	Anh	Nam	10/02/1996	Đắk Lắk	92	8,91	Khá
2	2120110091	Nguyễn Tổng Phúc	Nguyên	Nam	24/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	92	6,98	Khá
3	2120110094	Lê Anh	Phi	Nam	17/06/2002	Đồng Nai	92	7,29	Khá
4	2121110360	Châu Quốc	Toàn	Nam	18/12/1999	Tây Ninh	105	7,38	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin D

1	2120110120	Hồ Cao	Long	Nam	16/04/2001	Bình Định	92	6,33	Khá
2	2120110132	Hồ Văn	Tinh	Nam	11/11/2001	Bình Định	92	6,91	Khá
3	2121110117	Thái Hoàng	Chương	Nam	12/07/2003	Khánh Hoà	105	7,44	Khá
4	2121110355	Phạm Ngô Xuân Hoàng	Lộc	Nam	12/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,65	Khá
5	2121110128	Lê Thanh	Phong	Nam	12/06/2003	Quảng Ngãi	105	6,69	Khá
6	2121110136	Lê Sỹ	Thiện	Nam	13/06/2003	Hà Tĩnh	105	6,67	Khá
7	2121110138	Nguyễn Quốc	Trọng	Nam	20/08/2001	Kiên Giang	105	8,31	Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: Công nghệ thông tin E

1	2120110166	Lê Thành	Tinh	Nam	16/02/2002	Bình Định	93	7,37	Khá
2	2121110153	Ngô Ti	Gô	Nam	21/08/2003	Bình Thuận	105	7,15	Khá
3	2121110356	Mạc Quốc	Huy	Nam	14/05/2003	Bình Định	105	7,41	Khá
4	2121110169	Dương Hồng	Luyến	Nam	12/10/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	105	6,49	Khá
5	2121110173	Huỳnh Thị Yến	Nhung	Nữ	10/08/2003	Đồng Nai	105	7,53	Khá
6	2121110168	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	06/11/2003	Bình Định	105	7,79	Khá
7	2121110167	Võ Hoàng	Thắng	Nam	26/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,32	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin F

1	2121110369	Nguyễn Đăng	Bảo	Nam	17/04/2003	Quảng Ngãi	105	7,21	Khá
2	2121110183	Bùi Văn	Đạt	Nam	16/04/2003	Ninh Thuận	105	7,66	Khá
3	2121110182	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	04/05/2003	Bình Định	105	7,09	Khá
4	2121110179	Bá Quang	Luân	Nam	05/02/2003	Ninh Thuận	105	6,74	Khá
5	2121110195	Vũ Đình	Sơn	Nam	04/01/2003	Bình Dương	105	7,25	Khá
6	2121110198	Đỗ Chí	Thanh	Nam	08/08/2003	Đồng Tháp	105	7,59	Khá
7	2121110200	Hà Ngọc	Tiến	Nam	10/01/2003	Đồng Nai	105	7,22	Khá
8	2121110204	Huỳnh Thị Bảo	Trần	Nữ	29/05/2002	Vĩnh Long	105	8,81	Giỏi

Lớp: Công nghệ thông tin G

1	2120110232	Ngô Hiếu	Sơn	Nam	17/09/2002	Bình Định	92	7,35	Khá
2	2121110226	Nguyễn Thành	An	Nam	13/02/2003	Bình Định	105	7,59	Khá
3	2121110211	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	25/09/2003	Quảng Ngãi	105	6,97	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin H

1	2120110369	Nguyễn Kim	Phi	Nam	24/05/2002	Long An	93	6,49	Khá
2	2121110275	Huỳnh Ngọc	Hà	Nam	24/05/2003	Quảng Ngãi	105	7,04	Khá
3	2121110270	Đoàn Trần Trung	Hiếu	Nam	05/02/2003	Long An	105	7,08	Khá
4	2121110271	Nguyễn Bảo	Hoà	Nam	23/12/2003	Phú Yên	105	7,94	Khá
5	2121110280	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	11/07/2002	Bình Thuận	105	7,35	Khá
6	2121110266	Trần Minh	Luân	Nam	28/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,40	Khá
7	2121110269	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Nữ	30/03/2003	Bến Tre	105	7,49	Khá
8	2121110253	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	11/08/2003	Bình Thuận	105	6,68	Khá
9	2121110279	Hà Minh	Trung	Nam	01/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,17	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin I

1	2119110297	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	Nữ	26/05/2001	Đồng Nai	92	7,33	Khá
2	2120110293	Nguyễn Kiều Tú	Nhi	Nữ	17/10/2000	Bình Định	93	8,01	Giỏi
3	2120110299	Trương Minh	Sang	Nam	03/09/2002	Long An	92	6,41	Khá
4	2121110305	Châu Thiên	Cường	Nam	07/01/2003	Kiên Giang	105	6,79	Khá
5	2121110315	Lê Kim	Ngân	Nữ	07/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	105	7,77	Khá

Lớp: Công nghệ thông tin J

1	2119110325	Lê Ngọc	Nhân	Nam	02/01/1998	Đồng Nai	92	6,62	Khá
2	2119110332	Nguyễn Quang	Thanh	Nam	08/06/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	93	6,36	Khá
3	2120110388	Võ Anh	Tâm	Nam	02/01/2001	Quảng Ngãi	92	6,42	Khá
4	2121110318	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	11/03/2003	Bình Thuận	105	6,87	Khá
5	2121110330	Trần Lê	Tiến	Nam	11/05/2003	Tây Ninh	105	7,28	Khá

Công nghệ thông tin (CLC)

Lớp: Công nghệ thông tin CLC

1	2121110306	Trần Minh	Phát	Nam	03/09/2003	Đồng Nai	105	7,43	Khá
---	------------	-----------	------	-----	------------	----------	-----	------	-----

Truyền thông và mạng máy tính

Lớp: Truyền thông và mạng máy tính

1	2119220012	Nguyễn Trung	Huy	Nam	08/08/1999	Đắk Lắk	94	6,53	Khá
2	2120220002	Vũ Công	Chính	Nam	07/12/2002	Đồng Nai	92	7,17	Khá
3	2121220009	Vũ Quang	Huy	Nam	13/07/2003	Đồng Nai	105	7,31	Khá
4	2121220018	Huỳnh Văn	Mỹ	Nam	20/09/2002	Đồng Tháp	105	7,32	Khá
5	2121220011	Trịnh Văn	Thuận	Nam	25/09/2002	Gia Lai	105	7,12	Khá
6	2121220016	Võ Minh	Trí	Nam	26/10/2003	Bình Dương	105	7,24	Khá

Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông

Lớp: Điện tử truyền thông

1	2121230003	Hồ Trung	Kiên	Nam	27/07/2000	Cà Mau	105	6,96	Khá
---	------------	----------	------	-----	------------	--------	-----	------	-----

Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Lớp: Điện công nghiệp A

Lớp: Điện công nghiệp B

Lớp: Điện tử công nghiệp A

Lớp: Điện tử công nghiệp B

Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Lớp: CNKT điều khiển và tự động hóa B

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa A

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa B

Lớp: CNKT ĐK và tự động hóa C

Công nghệ kỹ thuật nhiệt

1	2121180067	Trần Quốc
---	------------	-----------

Lớp: Công nghệ KT nhiệt C

Lớp: Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh) A

Lớp: Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh) B

Lớp: Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh) C

Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CLC)

Ally

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: Điện Lạnh chất lượng cao

1	2121180078	Võ Minh	Trọng	Nam	09/06/2003	Tây Ninh	105	7,88	Khá
---	------------	---------	-------	-----	------------	----------	-----	------	-----

Kế toán

Lớp: Kế toán A

1	2121100014	Võ Thị	Hòa	Nữ	10/04/2003	Nghệ An	95	7,32	Khá
2	2121100028	Nguyễn Đỗ Thảo	Nhi	Nữ	20/09/2003	Long An	95	7,13	Khá
3	2121100008	Phạm Thị Anh	Thơ	Nữ	27/11/2003	Đồng Tháp	95	6,99	Khá
4	2121100020	Trần Đặng Mỹ	Tường	Nữ	13/05/2003	Bình Định	95	6,93	Khá
5	2122100017	Triệu Khánh	Hà	Nữ	08/08/2004	Bình Thuận	95	7,27	Khá
6	2122100037	Đỗ Lê Trung	Hậu	Nữ	26/01/2004	Đồng Nai	95	8,49	Giỏi
7	2122100006	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	05/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,87	Khá
8	2122100008	Nguyễn Quỳnh	Nga	Nữ	22/10/2002	Đắk Lắk	95	8,08	Giỏi
9	2122100012	Hồ Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	04/04/2004	Long An	95	7,45	Khá

Lớp: Kế toán B

1	2120100036	Lê Thị Quỳnh	Chi	Nữ	09/09/2002	Đắk Nông	86	7,20	Khá
2	2120100312	Trương Ngọc	Diệp	Nữ	31/07/2002	Đồng Nai	86	6,81	Khá
3	2121100058	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	21/09/2003	Bình Thuận	95	7,12	Khá
4	2121100047	Trịnh Thị Ngọc	Nga	Nữ	01/02/2003	Đồng Nai	95	6,75	Khá
5	2121100055	Phạm Hồng Thanh	Nguyệt	Nữ	14/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,16	Khá
6	2122100046	Trần Ngọc	Linh	Nữ	01/01/2004	Tây Ninh	95	8,06	Giỏi
7	2122100053	Đặng Nguyễn Hồng	Loan	Nữ	28/08/2004	Đắk Lắk	95	8,72	Giỏi
8	2122100071	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	04/09/2004	Ninh Thuận	95	7,05	Khá
9	2122100059	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	27/10/2004	Long An	95	8,58	Giỏi
10	2122100060	Nguyễn Phạm Phương	Nhi	Nữ	21/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,10	Giỏi
11	2122100056	Đỗ Thị	Phương	Nữ	15/12/1999	Thanh Hoá	95	9,35	Xuất sắc
12	2122100055	Trần Kim	Thoa	Nữ	12/11/2003	Kiên Giang	95	8,82	Giỏi
13	2122100042	Tạ Thanh	Thương	Nam	03/06/2004	Quảng Ngãi	95	8,23	Giỏi
14	2122100066	Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	18/04/2004	Long An	95	7,01	Khá
15	2122100063	Trương Thị Cẩm	Tiên	Nữ	17/03/2004	Long An	95	7,54	Khá

Lớp: Kế toán C

1	2121100104	Phùng Nguyễn Gia	Bảo	Nam	29/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,56	Khá
2	2121100101	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/07/2003	Long An	97	8,20	Giỏi
3	2121100091	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/01/2003	Bình Thuận	95	8,00	Giỏi
4	2121100100	Phạm Huỳnh Trúc	Linh	Nữ	26/01/2003	Bến Tre	95	7,28	Khá
5	2121100073	Vũ Thị Minh	Phượng	Nữ	29/08/2003	Bình Thuận	95	8,15	Giỏi
6	2121100082	Nguyễn Hồng	Thị	Nữ	15/10/2003	Ninh Thuận	95	7,08	Khá
7	2121100105	Chu Thị Thanh	Thương	Nữ	06/10/2003	Lâm Đồng	95	7,47	Khá
8	2122100091	Đào Liễu Phụng	Nhi	Nữ	11/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,37	Khá
9	2122100002	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	26/06/2003	Bình Thuận	95	7,81	Khá

Lớp: Kế toán D

1	2119100121	Trương Thị Ái	Nhân	Nữ	20/09/2001	Bình Định	82	6,72	Khá
2	2121100109	Nguyễn Huỳnh Trâm	Ân	Nữ	08/03/2003	Đồng Nai	95	7,89	Khá
3	2121100120	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	12/12/2003	Tây Ninh	95	7,84	Khá
4	2121100121	Vân Thị	Hiền	Nữ	30/05/2003	Đồng Nai	95	7,58	Khá
5	2121100135	Vân Thị Hồng	Hiệp	Nữ	24/09/2003	Bình Thuận	95	8,05	Giỏi
6	2121100139	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	10/06/2003	Long An	97	7,95	Khá
7	2121100116	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	30/01/2003	Quảng Trị	95	6,89	Khá
8	2121100129	Đoàn Thị Thúy	Vy	Nữ	24/06/2003	Long An	95	7,10	Khá
9	2122100128	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,05	Giỏi
10	2122100142	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	01/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,64	Khá
11	2122100119	Phạm Thị Kiều	Thu	Nữ	11/07/2004	Kiên Giang	95	7,73	Khá
12	2122100120	Phạm Yến	Vy	Nữ	11/09/2004	Kiên Giang	95	8,56	Giỏi

Lớp: Kế toán E

1	2120100363	Hoàng Thế	Anh	Nam	11/11/2002	Bình Phước	86	6,73	Khá
2	2120100147	Lương Thị	Loan	Nữ	11/11/2002	Bình Thuận	86	6,83	Khá
3	2121100173	Nguyễn Hoàng Mai	Khanh	Nữ	08/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,74	Khá
4	2121100149	Hồ Thị Phương	Linh	Nữ	23/09/2002	Nghệ An	95	7,23	Khá
5	2121100152	Đoàn Thị Bảo	Nguyễn	Nữ	14/07/2003	Ninh Thuận	95	6,40	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2121100141	Nguyễn Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	04/07/2003	Bình Thuận	95	8,15	Giỏi
7	2121100160	Võ Nhật Minh	Thi	Nữ	13/05/2003	Đồng Nai	95	7,75	Khá
8	2122100166	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	06/08/2004	Bình Định	95	8,54	Giỏi
9	2122100165	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/03/2004	Lâm Đồng	95	8,61	Giỏi
10	2122100161	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	Nữ	10/02/2004	Đắk Lắk	95	7,74	Khá

Lớp: Kế toán F

1	2121100209	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	01/10/2003	Bình Định	95	6,64	Khá
2	2121100178	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	04/02/2003	Đồng Nai	95	7,46	Khá
3	2121100194	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	23/07/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,62	Khá
4	2121100183	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	11/02/2003	Đắk Lắk	95	8,50	Giỏi
5	2121100202	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	15/04/2003	Tiền Giang	95	6,78	Khá
6	2122100178	Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	13/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	95	9,48	Xuất sắc
7	2122100181	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	09/11/2004	Bình Phước	95	8,82	Giỏi

Lớp: Kế toán G

1	2122100220	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	29/02/2004	Tiền Giang	95	8,23	Giỏi
2	2122100229	Nguyễn Văn	Triển	Nam	14/08/2001	Bình Phước	95	8,25	Giỏi

Lớp: Kế toán H

1	2121100266	Đoàn Thị Thanh	Bình	Nữ	11/02/2003	Bình Dương	95	7,47	Khá
2	2121100272	Đỗ Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/06/2003	Đắk Lắk	95	6,73	Khá
3	2121100267	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	21/12/2003	Phú Yên	95	6,79	Khá
4	2121100274	Khúc Đỗ Thùy	Quyên	Nữ	20/05/2003	Lâm Đồng	95	7,66	Khá
5	2121100279	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	06/06/2003	Đồng Tháp	95	6,66	Khá
6	2121100280	Lê Thị	Trang	Nữ	07/07/2003	Thanh Hoá	95	7,41	Khá
7	2121100278	Nguyễn Bảo	Vy	Nữ	07/04/2002	Bình Thuận	95	7,63	Khá
8	2122100254	Đinh Minh	Hải	Nam	24/05/2004	Đồng Nai	95	8,89	Giỏi
9	2122100261	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	28/01/2004	Long An	95	7,68	Khá

Lớp: Kế toán I

1	2120100293	Lương Thị Hà	Ngân	Nữ	12/02/2002	Bình Phước	86	6,84	Khá
2	2120100300	Tô Thị Kim	Oanh	Nữ	29/08/2002	Tiền Giang	86	6,77	Khá
3	2121100309	Trần Thị	Duyên	Nữ	03/05/2003	Đắk Lắk	95	6,55	Khá
4	2121100305	Lê Gia	Nghi	Nữ	15/01/2003	Tiền Giang	95	7,59	Khá
5	2121100293	Đặng Hồng	Thảo	Nữ	26/11/2003	Gia Lai	98	7,79	Khá
6	2121100315	Trịnh Anh	Thư	Nữ	11/04/2003	Cà Mau	95	7,08	Khá
7	2122100301	Trần Thị	Cúc	Nữ	20/10/2004	Ninh Bình	95	8,02	Giỏi
8	2122100288	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	07/06/2004	Bình Định	95	7,40	Khá

Lớp: Kế toán J

1	2121270113	Võ Thị Thanh	Truyền	Nữ	10/10/2003	Bình Định	95	7,65	Khá
---	------------	--------------	--------	----	------------	-----------	----	------	-----

Lớp: Kế toán K

1	2120100402	Hoàng Thị Diệu	Trang	Nữ	11/07/2002	Quảng Trị	86	6,78	Khá
2	2122100403	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	01/10/2004	Phú Thọ	95	7,99	Khá
3	2122100380	Nguyễn Võ Thành	Thái	Nam	21/12/2004	Long An	95	7,88	Khá
4	2122100410	Nguyễn Thị Thu	Tiền	Nữ	26/11/2003	Trà Vinh	95	9,20	Xuất sắc

Lớp: Kế toán L

1	2120100411	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	15/09/2002	Đồng Nai	86	7,38	Khá
2	2120100413	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	06/01/2002	Kon Tum	86	7,43	Khá

Lớp: Kế toán N

1	2119110089	Trần Phú	Quý	Nam	26/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	82	7,66	Khá
---	------------	----------	-----	-----	------------	-----------------	----	------	-----

Kế toán (CLC)

Lớp: Kế toán Chất lượng cao

1	2122100300	Nguyễn Trương Trúc	Quỳnh	Nữ	21/11/2004	Bình Định	95	7,91	Khá
2	2122100295	Nguyễn Thị Kiều	Thanh	Nữ	24/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	9,32	Xuất sắc
3	2122100001	Phạm Thị	Thùy	Nữ	20/04/2000	Nghệ An	95	8,61	Giỏi
4	2122100377	Trần Thị Bích	Tuyền	Nữ	08/07/2003	Đồng Tháp	95	8,48	Giỏi
5	2122100298	Nguyễn Mỹ	Uyên	Nữ	24/08/2004	Đồng Nai	95	8,38	Giỏi

Tài chính - Ngân hàng

Lớp: Tài chính - Ngân hàng A

1	2118190004	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	10/06/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	84	8,48	Giỏi
2	2119190028	Dương Võ Vĩnh	Trường	Nam	13/04/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	82	7,40	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
3	2121190022	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	02/06/2003	Bình Định	95	6,72	Khá
4	2121190023	Trần Thị	Huệ	Nữ	16/11/2003	Phú Yên	95	7,23	Khá
5	2121190030	Lưu Anh	Kiệt	Nam	28/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,42	Khá
6	2121190020	Phạm Thị	Lài	Nữ	13/06/2003	Quảng Ngãi	97	7,22	Khá
7	2121190002	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	22/12/2003	Tây Ninh	95	6,61	Khá
8	2121190010	Nguyễn Thị Thu	Na	Nữ	23/04/2003	Bình Định	95	7,11	Khá
9	2121190001	Trịnh Thị Tuyết	Nhi	Nữ	04/07/2003	Tây Ninh	95	7,15	Khá
10	2121190029	Huỳnh Thị Mỹ	Trâm	Nữ	01/10/2003	Bình Định	95	7,11	Khá
11	2122190002	Phạm Thị Hồng	Nhi	Nữ	12/10/2002	Đồng Nai	95	8,79	Giỏi
Lớp: Tài chính - Ngân hàng B									
1	2120190041	Nguyễn Thị Kim	Huyền	Nữ	25/01/2001	Tiền Giang	82	6,62	Khá
2	2120190056	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	13/06/2002	Tiền Giang	82	6,67	Khá
3	2120190054	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	03/07/2001	Tiền Giang	82	6,09	Trung bình
4	2121190067	Chu Mỹ	Hạnh	Nữ	06/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,73	Khá
5	2121190148	Trần Thị Mỹ	Quyên	Nữ	03/03/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	97	7,13	Khá
6	2121190164	Lê Hoàng	Vũ	Nam	21/05/2003	Kiên Giang	95	6,55	Khá
7	2122190043	Võ Thị Kim	Ngọc	Nữ	13/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,42	Giỏi
8	2122190037	Lê Thị Kim	Tho	Nữ	27/12/2004	Tây Ninh	95	8,25	Giỏi
Lớp: Tài chính - Ngân hàng C									
1	2121190083	Phạm Văn	Cường	Nam	21/08/1998	Bình Phước	95	8,03	Giỏi
2	2121190080	Lê Mai	Ngân	Nữ	09/12/2003	Bình Định	95	6,80	Khá
3	2121190149	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	14/02/2002	Vĩnh Long	95	7,34	Khá
Lớp: Tài chính - Ngân hàng D									
1	2120190120	Võ Hùng	Cường	Nam	05/11/2002	Bình Định	82	6,38	Khá
2	2120190144	Ngô Minh	Tuấn	Nam	07/02/2001	Bình Thuận	82	6,55	Khá
3	2121190121	Đinh Ngọc Linh	Giang	Nữ	15/10/2003	Khánh Hoà	95	6,70	Khá
4	2121190167	Nguyễn Lê Xuân	Mai	Nữ	01/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,31	Khá
5	2121190110	Trần Hoàng Tú	Như	Nữ	02/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,28	Khá
Tài chính - Ngân hàng (CLC)									
Lớp: Tài chính - Ngân hàng CLC									
1	2122190129	Nguyễn Trương Phương	Lâm	Nam	16/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,57	Giỏi
Tiếng Anh									
Lớp: Tiếng Anh A									
1	2119240008	Nguyễn Phương	Huyền	Nữ	17/05/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	6,73	Khá
2	2120240006	Hoàng Trúc	Ly	Nữ	23/10/2002	Bình Thuận	92	7,10	Khá
3	2120240014	Hà Ái	Như	Nữ	24/09/2001	Đồng Nai	92	7,91	Khá
4	2120240018	Trương Ngọc	Sang	Nam	01/01/1998	Bình Dương	92	7,09	Khá
5	2120240026	Dương Quý	Thy	Nữ	12/02/2002	Bình Thuận	92	6,89	Khá
6	2121240026	Vũ Thị Anh	Đào	Nữ	10/05/2003	Bình Dương	95	8,10	Giỏi
7	2121240024	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	16/03/2003	Long An	95	7,11	Khá
Lớp: Tiếng Anh B									
1	2118240098	Đoàn Trung	Kiên	Nam	21/07/1999	Bình Dương	90	7,48	Khá
2	2119240342	Châu Thị Thúy	Hoa	Nữ	05/07/2000	Gia Lai	92	6,97	Khá
3	2120240036	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	13/10/2002	Bình Định	92	6,52	Khá
4	2120240206	Vũ Thị Minh	Nhung	Nữ	14/10/2002	Lâm Đồng	92	8,12	Giỏi
5	2120240060	Đặng Ngọc	Xuân	Nữ	20/04/2000	Quảng Bình	92	6,60	Khá
6	2121240054	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	12/04/2003	Bình Định	95	6,97	Khá
Lớp: Tiếng Anh C									
1	2120240088	Võ Thi	Vân	Nữ	16/01/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	92	7,44	Khá
2	2121240076	Dương Thị Huệ	Chi	Nữ	04/12/2002	Tiền Giang	95	8,84	Giỏi
3	2121240090	Trần Triệu Khánh	Linh	Nữ	14/12/2003	Ninh Thuận	95	8,43	Giỏi
4	2121240084	Trần Thanh	Thà	Nam	25/04/2003	Đồng Tháp	95	6,75	Khá
Lớp: Tiếng Anh D									
1	2120240093	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	13/04/2002	Bình Thuận	92	7,01	Khá
2	2120240102	Đỗ Thiện	Huy	Nam	23/07/2002	Đồng Nai	92	7,08	Khá
3	2120240113	Nguyễn Văn	Thành	Nam	18/11/1995	Ninh Bình	92	7,14	Khá
4	2121240115	Đỗ Thị Thúy	Hải	Nữ	21/11/2003	Bình Thuận	95	7,22	Khá
5	2121240093	Nguyễn Vũ Kiều	Ngân	Nữ	13/08/2003	Đồng Nai	95	8,69	Giỏi

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
6	2121240107	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	28/06/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	8,29	Giỏi
7	2121240097	Hồ Sĩ	Phi	Nam	19/08/2002	Bình Thuận	95	7,42	Khá
8	2121240116	Nguyễn Thị Bích	Vi	Nữ	06/04/2003	Lâm Đồng	95	7,66	Khá

Lớp: Tiếng Anh E

1	2120240126	Trương Minh	Khoa	Nam	14/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	92	7,03	Khá
2	2120240133	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	Nữ	27/06/2002	Ninh Thuận	92	6,91	Khá
3	2121240126	Võ Thủy	Hiền	Nữ	26/10/2003	Đắk Lắk	95	8,18	Giỏi
4	2121240127	Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	01/09/2003	Vĩnh Long	95	7,12	Khá
5	2121240121	Dương Ngọc Anh	Thư	Nữ	01/01/2003	Đồng Nai	95	7,57	Khá
6	2121240147	Nguyễn Thị Minh	Trâm	Nữ	08/08/2001	Quảng Nam	95	6,67	Khá
7	2121240136	Huỳnh Yến	Tuyết	Nữ	03/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,62	Khá
8	2121240142	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	30/10/2003	Vĩnh Long	95	7,53	Khá

Lớp: Tiếng Anh F

1	2118240423	Mai Văn	Trường	Nam	16/01/1999	Thanh Hoá	90	6,52	Khá
2	2119240146	Tô Thị Mỹ	Kiều	Nữ	05/02/2000	Gia Lai	92	6,96	Khá
3	2119240153	Nguyễn Thanh	Nhi	Nữ	06/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	92	7,28	Khá
4	2119240161	Đặng Nguyễn Hoàng	Trâm	Nữ	15/08/2001	Bình Thuận	92	6,91	Khá
5	2119240166	Lê Thị Hồng	Yến	Nữ	25/02/2001	Bình Phước	92	6,96	Khá
6	2121240156	Võ Hoàng	Ân	Nữ	19/11/2003	Bình Thuận	95	7,45	Khá
7	2121190165	Bá Thị Kim	Uyên	Nữ	28/03/2003	Ninh Thuận	95	7,63	Khá

Lớp: Tiếng Anh H

1	2120240229	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	30/08/2002	Hà Nam	92	6,96	Khá
2	2120240231	Võ Huỳnh Kiều	Duyên	Nữ	25/06/1996	Đắk Lắk	92	7,73	Khá
3	2120240234	Dương Thủy	Hiền	Nữ	01/02/2001	Ninh Thuận	92	7,29	Khá

Lớp: Tiếng Anh I

1	2119240231	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	01/05/1997	Hà Nội	92	7,93	Khá
---	------------	-------------	-----	----	------------	--------	----	------	-----

Lớp: Tiếng Anh J

1	2119240264	Trần Minh	Huân	Nam	30/10/2001	Đồng Nai	92	7,31	Khá
---	------------	-----------	------	-----	------------	----------	----	------	-----

Tiếng Anh (CLC)

Lớp: Tiếng Anh chất lượng cao

1	2119240327	Phạm Thị Trà	Mi	Nữ	08/12/1994	Tây Ninh	92	7,03	Khá
2	2119240335	Bùi Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	10/12/2001	Bình Định	92	7,03	Khá
3	2121242006	Lê Nguyễn Ánh	Dương	Nữ	03/01/2002	Tiền Giang	99	8,39	Giỏi

Quản trị khách sạn

Lớp: Quản trị khách sạn A

1	2120260001	Trần Ngọc	An	Nam	25/11/2002	Đắk Nông	82	6,49	Khá
2	2121260017	Lê Phạm Diễm	My	Nữ	09/02/2003	Bình Thuận	95	7,65	Khá

Lớp: Quản trị khách sạn B

1	2119260048	Trần Đỗ Ánh	Dương	Nữ	31/05/2001	Thái Bình	82	7,16	Khá
2	2121260063	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	06/12/2003	Bến Tre	95	7,21	Khá
3	2121260058	Nguyễn Hoàng Thảo	My	Nữ	14/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,03	Khá
4	2121260067	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/06/2001	Nam Định	95	7,05	Khá

Lớp: Quản trị khách sạn C

1	2120260090	Bùi Thị	Nhờ	Nữ	16/08/2002	Quảng Nam	82	7,16	Khá
2	2120260093	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	02/09/2002	Bình Định	82	7,29	Khá
3	2121260105	Phạm Thị Cẩm	Hà	Nữ	03/01/2003	Bến Tre	95	7,27	Khá
4	2121260095	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	23/03/2003	Khánh Hoà	95	7,36	Khá
5	2121260073	Lê Nữ Anh	Thư	Nữ	23/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,89	Khá
6	2121260097	Lê Thị Quế	Trần	Nữ	17/05/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,85	Khá

Lớp: Quản trị khách sạn D

1	2120260106	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	28/03/2001	Bình Dương	82	7,06	Khá
2	2120260124	Lương Nữ Hà	Ni	Nữ	29/07/2002	Ninh Thuận	82	6,77	Khá
3	2120260138	Mai Nguyễn Tường	Vi	Nữ	14/06/2001	Kiên Giang	84	7,98	Khá
4	2121260117	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	Nữ	22/10/2003	An Giang	95	8,21	Giỏi

Lớp: Quản trị khách sạn F

1	2119260204	Trần Thanh	Diệu	Nữ	01/03/2001	Đồng Nai	82	6,51	Khá
2	2119260221	Nguyễn Đức	Lượng	Nam	18/10/2001	Bình Định	82	6,27	Khá
3	2120260206	Trần Ngọc Minh	Thi	Nữ	22/04/2002	Tây Ninh	82	6,91	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
Lớp: Quản trị khách sạn G									
1	2120260246	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	26/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	82	6,87	Khá
Quản trị khách sạn (CLC)									
Lớp: Quản trị khách sạn CLC									
Quản trị kinh doanh									
Lớp: Quản trị KD tổng hợp A									
1	2121120008	Trần Thị Trúc	Chi	Nữ	02/04/2003	Bình Thuận	95	7,17	Khá
2	2121120010	Vũ Quốc	Cường	Nam	03/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,45	Khá
3	2121120004	Lạc Thị Diễm	Kha	Nữ	09/01/2003	Đồng Nai	95	7,10	Khá
4	2121120034	Nguyễn Thị	Tinh	Nữ	27/07/2002	Bình Định	95	7,20	Khá
5	2122120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24/07/2003	Đồng Nai	95	7,28	Khá
6	2122120031	Hoàng Đình	Mẫn	Nam	22/06/2001	Quảng Trị	95	7,72	Khá
7	2122120009	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	24/07/2003	Bến Tre	95	7,64	Khá
8	2122120029	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	04/05/1999	Bến Tre	95	7,75	Khá
9	2122120008	Dương Quốc	Tú	Nam	13/04/2002	Quảng Ngãi	95	7,36	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp B									
1	2121120055	Đàm Thị Như	Huỳnh	Nữ	13/07/2003	Hậu Giang	95	7,18	Khá
2	2121120052	Nguyễn Thái An	Kiệt	Nam	17/09/2002	Tây Ninh	95	7,15	Khá
3	2121120060	Trương Thị Khánh	Linh	Nữ	27/12/2003	Phú Yên	95	7,11	Khá
4	2121120038	Lê Thị Bạch	Mai	Nữ	14/05/2003	Bình Thuận	95	6,59	Khá
5	2121120051	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	02/07/2003	Quảng Ngãi	95	7,13	Khá
6	2121120053	Nguyễn Châu	Thiên	Nam	05/11/2003	Quảng Ngãi	95	6,68	Khá
7	2121120049	Trần Thị Tú	Trình	Nữ	03/06/2003	Đồng Nai	95	6,65	Khá
8	2121120065	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	29/06/2003	Gia Lai	95	6,78	Khá
9	2121120054	Hồ Thanh	Xuân	Nữ	12/05/2003	Bình Phước	95	7,15	Khá
10	2122120051	Lý Quỳnh	Anh	Nữ	04/02/2004	Đắk Nông	95	7,77	Khá
11	2122120064	Đoàn Thị Kim	Oanh	Nữ	06/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,75	Khá
12	2122120060	Hoàng Thị	Thu	Nữ	16/04/2004	Đồng Nai	95	8,78	Giỏi
13	2122120053	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	21/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,07	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp C									
1	2121120098	Mai Thị Quỳnh	Chi	Nữ	14/04/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,96	Khá
2	2121120095	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	03/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,50	Khá
3	2121120089	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	26/08/2003	Quảng Ngãi	95	6,72	Khá
4	2121120081	Trần Hiền	Ngân	Nữ	10/04/2003	Bình Định	95	7,82	Khá
5	2121120096	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/11/2003	Thanh Hoá	95	7,05	Khá
6	2121120087	Đỗ Thu	Sang	Nữ	21/01/2003	Bình Định	95	6,81	Khá
7	2121120094	Ngô Hoài	Thanh	Nam	20/12/2003	Long An	95	7,00	Khá
8	2121120100	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	14/10/2003	Ninh Thuận	95	6,48	Khá
9	2121120084	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	Nữ	16/06/2003	Phú Yên	96	7,21	Khá
10	2121120088	Trần Đại Anh	Trường	Nam	25/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,90	Khá
11	2121120105	Trương Công	Trường	Nam	12/03/2003	Bình Định	95	7,04	Khá
12	2121120093	Trần Thị Cẩm	Vi	Nữ	17/08/2003	Gia Lai	95	7,09	Khá
13	2122120083	Lê Văn	Hùng	Nam	07/11/2000	Phú Yên	95	7,43	Khá
14	2122120091	Vũ Ngọc	Yến	Nữ	15/10/2004	Bình Thuận	95	7,35	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp D									
1	2121120128	Võ Ngọc	Hòa	Nữ	12/01/2003	Bình Định	95	7,54	Khá
2	2121120118	Dương Thị	Hồng	Nữ	30/10/2003	Tây Ninh	95	7,06	Khá
3	2121120137	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/09/2003	Bình Định	95	6,75	Khá
4	2121120109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/08/2003	Tiền Giang	95	6,90	Khá
5	2121120133	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	30/04/2003	Phú Yên	95	6,57	Khá
6	2121120139	Phùng Thị Thanh	Nhàng	Nữ	30/10/2003	Long An	95	6,73	Khá
7	2121120127	Trần Thị Thu	Sang	Nữ	25/07/2003	Khánh Hoà	95	7,10	Khá
8	2121120136	Trần Thị Kim	Tuyết	Nữ	07/01/2002	Bình Định	95	7,43	Khá
Lớp: Quản trị KD tổng hợp E									
1	2121120143	Võ Tăng Thị Quỳnh	Anh	Nữ	04/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,59	Khá
2	2121120171	Phạm Thị Yến	Chi	Nữ	10/01/2003	Bình Định	95	7,37	Khá
3	2121120147	Trần Thị Ngọc	Hằng	Nữ	10/04/2002	Bình Phước	95	6,49	Khá
4	2121120148	Trần Thị Lý	Hòa	Nữ	22/04/2003	Đồng Nai	95	6,84	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
5	2121120149	Ngô Kim	Huệ	Nữ	12/12/2003	Bình Định	95	6,51	Khá
6	2121120173	Nguyễn Tổ	Linh	Nữ	29/05/2003	Bình Định	95	6,92	Khá
7	2121120159	Hoàng Nữ Thủy	Nga	Nữ	09/11/2003	Khánh Hoà	95	6,86	Khá
8	2121120163	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	20/11/2002	Bình Định	95	7,07	Khá
9	2121120151	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	21/08/2002		95	6,92	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp F

1	2121120185	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	15/08/2003	Bình Thuận	95	6,84	Khá
2	2121120177	Lê Hoàng	My	Nữ	05/04/2003	Bình Phước	95	6,76	Khá
3	2121120191	Huỳnh Thị	Nhân	Nữ	03/01/2003	Bình Định	95	7,23	Khá
4	2121120190	Lê Thị Như	Ý	Nữ	14/05/2002	Quảng Trị	95	7,60	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp G

1	2121120229	Đặng Văn	Hung	Nam	28/01/2001	Lâm Đồng	95	7,13	Khá
2	2121120216	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	19/11/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	6,91	Khá
3	2121120245	Hứa Ngọc Tú	Quyên	Nữ	25/06/2003	Đồng Nai	95	7,08	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp H

1	2121120253	Phan Thị Kim	Đài	Nữ	23/05/2003	Phú Yên	95	6,93	Khá
2	2121120267	Nguyễn Phương	Trình	Nữ	15/09/2003	Đồng Nai	95	6,44	Khá
3	2121120278	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	24/10/2003	Long An	95	7,29	Khá
4	2121120266	Trần Thị Như	Ý	Nữ	18/11/2003	Bình Thuận	95	7,21	Khá
5	2122120243	Phạm Thị Mai	Hương	Nữ	21/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,35	Khá
6	2122120251	Lương Thảo	Mi	Nữ	02/04/2002	Bến Tre	95	8,49	Giỏi
7	2122120268	Phan Huỳnh	Nhi	Nữ	25/08/2002	An Giang	95	8,66	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp I

1	2121120284	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	Nữ	28/07/2003	Quảng Ngãi	95	6,82	Khá
2	2121120305	Trần Khánh	Duyên	Nữ	29/09/2003	Phú Yên	95	7,13	Khá
3	2121120285	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	Nữ	06/06/2003	Bình Định	95	7,21	Khá
4	2121120296	Đặng Phương	Ngân	Nữ	07/03/2003	Bến Tre	96	6,81	Khá
5	2121120311	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	23/06/2003	Gia Lai	95	6,59	Khá
6	2121120303	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	Nam	27/01/2003	Đồng Nai	95	6,79	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp J

1	2121120343	Phạm Thị Bích	Liễu	Nữ	07/09/2003	Tiền Giang	95	6,60	Khá
2	2121120326	Võ Trần Tú	Nhi	Nữ	25/05/2003	Đắk Lắk	95	6,72	Khá
3	2121120338	Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	17/01/2003	Tây Ninh	95	7,12	Khá
4	2121120320	Lê Thế	Vinh	Nam	01/08/2003	Lâm Đồng	95	6,87	Khá
5	2122120324	Nguyễn Xuân	Việt	Nam	29/06/2003	Bình Thuận	95	7,06	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp K

1	2121120379	Ngô Thị Thu	Hồng	Nữ	20/11/2003	Quảng Ngãi	95	7,02	Khá
2	2121120368	Trần Thanh	Hùng	Nam	01/02/2003	Đồng Nai	95	6,98	Khá
3	2121120356	Nguyễn Minh Minh	Lý	Nam	01/02/1993	Tây Ninh	95	8,44	Giỏi
4	2121120365	Phan Thiên	Ngọc	Nữ	06/07/2003	Kiên Giang	95	7,51	Khá
5	2121120381	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	21/08/2003	Long An	95	8,09	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp L

1	2121120400	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	22/05/2003	Đồng Nai	95	6,59	Khá
2	2121120413	Nguyễn Doãn Tuấn	Kiệt	Nam	29/04/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	95	7,38	Khá
3	2121120388	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	Nữ	05/02/2003	Quảng Ngãi	95	7,80	Khá
4	2121120399	Mạnh Vũ	Quốc	Nam	10/03/2003	Bình Định	95	7,67	Khá
5	2121120389	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	12/06/2003	Quảng Ngãi	95	7,68	Khá
6	2121120412	Bùi Đặng Thanh	Vân	Nữ	11/07/2003	Phú Yên	95	6,84	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp M

1	2121120443	Lê Thị Thanh	Huỳnh	Nữ	07/10/2003	Đắk Lắk	95	6,82	Khá
2	2121120431	Trần Lê My	My	Nữ	19/06/2003	Quảng Ngãi	95	7,42	Khá
3	2121120440	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	11/08/2003	Quảng Ngãi	95	7,31	Khá
4	2121120449	Phạm Đình	Nguyên	Nam	13/01/2003	Gia Lai	95	7,15	Khá
5	2121120444	Phạm Huỳnh Mỹ	Quyên	Nữ	22/12/2003	Đồng Tháp	95	7,03	Khá
6	2121120424	Huỳnh Thị Minh	Tuyền	Nữ	03/02/2003	Quảng Ngãi	95	7,40	Khá
7	2121120422	Phú Nữ Hoàng	Ty	Nữ	26/06/2001	Ninh Thuận	95	8,11	Giỏi
8	2122120421	Đỗ Thanh	Trúc	Nữ	18/06/2003	Bình Thuận	95	8,65	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp N

Handwritten signature/initials

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
1	2121120484	Hoàng Anh	Dũng	Nam	28/02/2003	Bình Phước	97	6,75	Khá
2	2121120473	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Nữ	16/11/2003	Tây Ninh	95	7,42	Khá
3	2121120479	Châu Gia	Huệ	Nữ	12/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,81	Khá
4	2121120466	Ngô Thị Vân	Kiều	Nữ	03/06/2003	Đắk Lắk	95	7,23	Khá
5	2121120481	Bùi Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/12/2003	Gia Lai	95	7,32	Khá
6	2121120469	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	03/12/2003	Tây Ninh	95	7,69	Khá
7	2122120462	Vi Thị	Hiền	Nữ	10/01/2004	Đắk Nông	95	8,04	Giỏi
8	2122120475	Nguyễn Thắm	Viên	Nữ	15/02/2004	Phú Yên	95	8,04	Giỏi

Lớp: Quản trị KD tổng hợp O

1	2121120524	Nguyễn Thị Bạch	Kim	Nữ	06/09/2003	Bình Định	95	7,73	Khá
2	2121120525	Nguyễn Thị Thu	Linh	Nữ	16/08/2003	Bình Định	95	7,85	Khá
3	2121120515	Lương Ngọc	Minh	Nam	27/07/2003	Lâm Đồng	95	7,26	Khá
4	2121120521	Phan Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	15/07/2003	Bình Định	95	7,59	Khá
5	2121120519	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/03/2003	Bình Thuận	95	7,88	Khá
6	2121120496	Tạ Thị Thanh	Tuyền	Nữ	30/12/2003	Đồng Nai	95	7,53	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp P

1	2121120554	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Nữ	04/08/2003	Tiền Giang	95	7,12	Khá
2	2121120527	Trần Nhật	Thành	Nam	12/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,45	Giỏi
3	2122120588	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phương	Nữ	27/12/1999	Bình Thuận	95	6,65	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp Q

1	2121120585	Hồng Thị Kim	Linh	Nữ	26/07/2003	Đồng Nai	95	6,71	Khá
2	2121120574	Trần Quốc	Long	Nam	23/04/2002	Đắk Lắk	95	7,50	Khá
3	2121120630	Trần Thị Nhật	Quỳnh	Nữ	16/09/2002	Đắk Lắk	95	7,46	Khá

Lớp: Quản trị KD tổng hợp R

1	2121120605	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/01/2003	Bình Định	95	7,52	Khá
2	2121110097	Nguyễn Văn	Lộc	Nam	25/09/2003	Đồng Nai	95	6,64	Khá
3	2121120604	Võ Như	Tâm	Nữ	30/09/2003	Đồng Nai	95	6,92	Khá

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp A

1	2120120026	Nguyễn Thị Bé	Thùy	Nữ	08/01/2002	Long An	82	7,09	Khá
---	------------	---------------	------	----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp D

1	2119120107	Phạm Thị Diệu	Bân	Nữ	08/03/2001	Quảng Ngãi	82	6,65	Khá
2	2119120628	Nguyễn Hoàng Bảo	Hân	Nữ	21/06/2001	Bình Phước	82	6,95	Khá
3	2120120111	Bùi Vạn	Đoàn	Nam	28/02/2002	Lâm Đồng	83	6,79	Khá
4	2120120135	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	02/02/2002	Ninh Thuận	82	7,01	Khá

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp E

1	2120120161	Trương Khánh	Linh	Nữ	29/11/2002	Đồng Nai	82	7,42	Khá
---	------------	--------------	------	----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp F

1	2118120528	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	16/06/1999	Hà Tĩnh	80	6,82	Khá
2	2120120186	Đỗ Quỳnh Mai	Khôi	Nữ	23/01/2002	Phú Yên	82	6,64	Khá

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp G

1	2120120220	Phạm Thị Út	Ly	Nữ	24/08/2002	Bình Định	82	6,92	Khá
---	------------	-------------	----	----	------------	-----------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp H

1	2119120251	Lê Thị Ngọc	Hiền	Nữ	30/04/2001	Long An	82	6,77	Khá
2	2120120247	Hồ Thụy Hạ	Du	Nữ	12/10/2002	Tiền Giang	82	7,04	Khá
3	2120120277	Lê Trần Hạ	Vy	Nữ	15/01/2002	Bình Thuận	82	7,34	Khá

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp I

1	2120120314	Phạm Thị Phi	Yến	Nữ	21/02/2002	Lâm Đồng	82	7,10	Khá
---	------------	--------------	-----	----	------------	----------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp J

1	2120120328	Nguyễn Việt	Mai	Nữ	09/11/2002	Bình Định	82	6,34	Khá
---	------------	-------------	-----	----	------------	-----------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp K

1	2120120359	Huỳnh Công	Hậu	Nam	14/07/1999	Bến Tre	82	7,00	Khá
2	2120120362	Nguyễn Phan Zon	Huy	Nam	22/11/2002	Phú Yên	82	6,40	Khá
3	2120120371	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	09/05/2002	Bình Phước	82	6,16	Trung bình

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp M

1	2120120425	Hoàng Trần Thảo	Hiền	Nữ	24/09/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	82	7,03	Khá
2	2120120427	Lê Thị Ngọc	Huệ	Nữ	05/06/2001	Tiền Giang	82	7,91	Khá
3	2120120437	Võ Thị	Nhưong	Nữ	05/11/2002	Đồng Nai	82	6,61	Khá
4	2120170337	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	29/03/2002	Đồng Nai	82	6,95	Khá

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp N

1	2120120702	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	31/12/2002	Đắk Lắk	82	8,02	Giỏi
---	------------	--------------	-------	----	------------	---------	----	------	------

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp O

1	2119120649	Trần Lệ	Quân	Nữ	08/08/2001	Bình Định	82	6,20	Trung bình
2	2119120544	Huỳnh Thị Tú	Trình	Nữ	10/05/2000	Đồng Nai	82	6,42	Khá
3	2120110182	Lê Tiến	Đạt	Nam	23/09/2002	Đồng Nai	82	6,82	Khá

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp Q

1	2120100092	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/10/2002	Gia Lai	83	7,50	Khá
---	------------	----------------	-------	----	------------	---------	----	------	-----

Lớp: Quản trị kinh doanh tổng hợp R

1	2120120617	Mai Thị	Huệ	Nữ	06/02/2002	Thanh Hoá	82	6,61	Khá
2	2120120620	Lý Thị Kim	Ngân	Nữ	08/01/2001	Sóc Trăng	82	6,74	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu A

1	2120200321	Trần Ngọc Tú	Nghi	Nữ	23/07/2002	Vĩnh Long	82	6,26	Khá
2	2120200033	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	05/02/2002	Đồng Nai	82	7,14	Khá
3	2121200013	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	27/10/2000	Long An	95	7,75	Khá
4	2121200003	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	11/12/2003	Bình Phước	95	7,17	Khá
5	2121200012	Vũ Văn	Hồng	Nam	26/08/2003	Đắk Lắk	95	6,74	Khá
6	2121200009	Lê Vũ Phương	Nhi	Nữ	18/08/2003	Phú Yên	95	6,86	Khá
7	2122200023	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	01/05/2004	Bình Định	95	7,00	Khá
8	2122200024	Nguyễn Thị Phương	Hằng	Nữ	14/10/2004	Long An	95	7,59	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu B

1	2119200044	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	17/01/2001	Long An	82	6,69	Khá
2	2120200052	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	09/02/2002	Đồng Nai	82	6,80	Khá
3	2121200051	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	Nữ	28/07/2002	Quảng Ngãi	95	7,30	Khá
4	2121200052	Phạm Thanh	Huệ	Nữ	14/10/2003	Bình Thuận	95	7,40	Khá
5	2121200037	Nguyễn Hồ Nhã	Linh	Nữ	04/05/2003	Khánh Hoà	95	6,66	Khá
6	2121220005	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	16/05/2003	Lâm Đồng	95	6,68	Khá
7	2121200067	Trương Đức	Phúc	Nam	21/05/2003	Quảng Ngãi	95	7,93	Khá
8	2121200054	Hồ Thị Huyền	Thị	Nữ	01/01/2003	Bình Thuận	95	6,67	Khá
9	2121200053	Lê Nguyễn Trường	Thuận	Nam	05/08/2003	Quảng Ngãi	95	6,68	Khá
10	2121200041	Đinh Hồng	Trình	Nữ	12/12/2003	Bình Định	95	6,43	Khá
11	2121200044	Nguyễn Tú	Trình	Nữ	01/06/2003	Bình Định	95	7,33	Khá
12	2122200050	Trương Ý	Như	Nữ	01/07/2004	Cà Mau	95	8,01	Giỏi

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu C

1	2121200088	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	10/10/2003	Ninh Thuận	95	7,67	Khá
2	2121200095	Hồ Thị Ngọc	Bích	Nữ	10/06/2003	Bình Phước	95	7,24	Khá
3	2121200105	Huỳnh Bùi Tiên	Dương	Nữ	23/10/2003	Quảng Ngãi	95	7,20	Khá
4	2121200103	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27/12/2003	Đồng Nai	95	6,73	Khá
5	2121200090	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	08/02/2003	Ninh Thuận	95	7,35	Khá
6	2121200082	Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	14/09/2003	Đồng Nai	95	7,36	Khá
7	2121200083	Hồ Trí	Hoài	Nam	13/03/2003	Long An	95	6,61	Khá
8	2121200072	Võ Lệ	Huyền	Nữ	16/11/2003	Tiền Giang	95	7,66	Khá
9	2121200073	Cù Thị Kim	Nhung	Nữ	06/08/2003	Lâm Đồng	95	6,77	Khá
10	2121200089	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	24/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	95	6,92	Khá
11	2121200096	Huỳnh Tiến	Tài	Nam	30/09/2002	Bình Định	95	6,81	Khá
12	2121200084	Nguyễn Đặng Thanh	Thúy	Nữ	25/12/2003	Quảng Ngãi	95	7,17	Khá
13	2121200080	Đoàn Thị Lan	Trình	Nữ	20/06/2003	Quảng Ngãi	95	7,17	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu D

1	2121200213	Ngô Quang	Bảo	Nam	10/09/2003	Đồng Nai	95	6,69	Khá
2	2121200114	Huỳnh Thị Hồng	Cẩm	Nữ	08/12/2003	Long An	95	7,51	Khá
3	2121200112	Nguyễn Đặng Thế	Hào	Nam	21/07/2002	Đồng Nai	95	6,76	Khá
4	2121200117	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	01/08/2003	Phú Yên	95	7,40	Khá
5	2121200108	Lê Ngọc	My	Nữ	15/09/2003	Tiền Giang	95	6,92	Khá
6	2121200122	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	14/02/2003	Phú Yên	95	7,20	Khá
7	2121200136	Phạm Thị Ninh	Tịnh	Nữ	10/12/2003	Phú Yên	95	6,89	Khá
8	2121200123	Trần Thị Bích	Vân	Nữ	23/01/2003	Phú Yên	95	7,08	Khá

Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu E

1	2120200142	Đỗ Quốc	Cường	Nam	27/02/2001	Quảng Ngãi	82	6,77	Khá
---	------------	---------	-------	-----	------------	------------	----	------	-----

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
2	2121200159	Ngô Thị Cẩm	Giang	Nữ	24/12/2003	Kiên Giang	95	7,65	Khá
3	2121200160	Nguyễn Duy Hồ Ngọc	Long	Nam	05/07/2003	Long An	95	6,84	Khá
4	2121200211	Nguyễn Thị Ngọc	Luyên	Nữ	21/11/2002	Lâm Đồng	95	7,34	Khá
5	2121200164	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	23/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	7,31	Khá
6	2121120380	Phan Phú	Nhật	Nam	05/12/2003	Bình Định	97	7,23	Khá
7	2121200156	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	18/09/2003	Bình Định	95	7,28	Khá
8	2121200170	Nguyễn Tấn	Thuận	Nam	13/03/2003	Bình Định	95	7,90	Khá
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu F									
1	2121200198	Võ Thanh	Danh	Nữ	22/11/2003	Quảng Ngãi	95	6,70	Khá
2	2121120353	Nguyễn Xuân	Đạt	Nam	27/05/2003	Phú Yên	95	6,95	Khá
3	2121200192	Phạm Bích	Liễu	Nữ	11/10/2003	Bình Định	95	8,11	Giỏi
4	2121200184	Bùi Thị Mỹ	Linh	Nữ	04/11/2003	Đồng Nai	95	7,20	Khá
5	2121200197	Nguyễn Lê Tuyết	Ngân	Nữ	24/07/2003	Đồng Nai	95	7,94	Khá
6	2121200190	Đỗ Thị Bích	Phượng	Nữ	24/04/2003	Bình Định	95	7,17	Khá
7	2121200177	Tần Quỳnh Hương	Thảo	Nữ	09/04/2003	Bình Định	95	6,83	Khá
8	2121200182	Nguyễn Thị Quế	Trần	Nữ	06/06/2003	Bình Định	95	7,36	Khá
9	2121200178	Ngô Thị Diễm	Uyên	Nữ	03/01/2003	Tây Ninh	95	7,32	Khá
10	2121200208	Trần Quang	Viên	Nam	02/02/2003	Bình Thuận	95	7,21	Khá
11	2122200180	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	20/03/2004	Bình Định	95	7,04	Khá
12	2122200217	Thân Thị	Thu	Nữ	28/04/2001	Nghệ An	95	8,40	Giỏi
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu G									
1	2119200224	Huỳnh Mỹ	Phượng	Nữ	02/11/1999	Quảng Ngãi	82	7,19	Khá
2	2119200229	Vũ Đặng Thủy	Tiên	Nữ	04/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	82	7,00	Khá
3	2119120168	Đỗ Thị Ngọc	Trần	Nữ	27/08/2001	Phú Yên	82	6,72	Khá
4	2120200213	Trần Thị	Hằng	Nữ	11/10/2002	Bình Định	82	7,54	Khá
5	2120200217	Phạm Ngọc	Huỳnh	Nữ	30/07/2002	Bến Tre	82	6,95	Khá
6	2120200236	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	26/05/2002	Bình Định	82	6,75	Khá
7	2122200239	Nguyễn Thị Yến	Ly	Nữ	22/04/1997	Bình Định	95	8,21	Giỏi
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu J									
1	2120200320	Hoàng Minh	Huy	Nam	23/03/2002	Kiên Giang	82	6,22	Trung bình
2	2120170141	Nguyễn Anh	Vỹ	Nam	14/09/2002	Đồng Nai	82	6,68	Khá
Quản trị kinh doanh (CLC)									
Lớp: Quản trị xuất nhập khẩu CLC									
1	2121200141	Lương Hoàng	Anh	Nam	03/11/2003	Nghệ An	95	7,70	Khá
2	2121122011	Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	23/10/2003	Hà Nam	95	7,47	Khá
3	2121200028	Trần Thị Xuân	Lài	Nữ	22/03/2003	Quảng Ngãi	95	7,67	Khá
4	2121122015	Bùi Nhật Phương	Thảo	Nữ	08/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	95	8,11	Giỏi
5	2121200148	Đặng Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	17/08/2003	Đắk Lắk	95	8,34	Giỏi
6	2121122014	Lê Thanh	Thảo	Nữ	03/12/2003	Gia Lai	95	7,20	Khá
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống									
Lớp: Quản trị nhà hàng A									
1	2121270034	Cao Tiến	Dự	Nam	20/11/2002	Quảng Ngãi	95	6,73	Khá
2	2121270023	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	Nữ	31/07/2003	Phú Yên	95	6,95	Khá
3	2121270021	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	16/10/2003	Ninh Thuận	95	7,16	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng B									
1	2120270069	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	26/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	82	7,18	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng C									
1	2120270077	Trần Thị	Hằng	Nữ	17/12/2002	Quảng Ngãi	82	7,10	Khá
2	2121270091	Võ Trọng	Duy	Nam	01/10/2003	Đồng Tháp	95	6,41	Khá
3	2121270072	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	20/08/2003	Bình Thuận	95	7,77	Khá
4	2121270100	Lê Thị Kiều	Tiên	Nữ	13/11/2003	Ninh Thuận	95	6,91	Khá
5	2121270082	Huỳnh Tuấn	Vũ	Nam	10/11/2003	Đồng Tháp	95	7,22	Khá
Lớp: Quản trị nhà hàng D									
1	2118270308	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	28/10/2000	Đồng Nai	80	6,83	Khá
2	2120270106	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	16/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	84	7,08	Khá
3	2120270124	Lê Thị Mỹ	Nhung	Nữ	26/01/2002		82	7,07	Khá
4	2121270108	Đoàn Lý Dạ	Hoa	Nữ	12/09/2003	Bình Thuận	95	6,96	Khá
5	2121240162	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	18/06/2003	Bình Định	95	6,95	Khá

11/5

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TC	Điểm TB	Xếp loại
-----	------	--------	-----	-----------	-----------	----------	----	---------	----------

Lớp: Quản trị nhà hàng F

1	2120270199	Huỳnh Thị Thanh	Quyến	Nữ	18/11/2002	Lâm Đồng	82	7,04	Khá
---	------------	-----------------	-------	----	------------	----------	----	------	-----

Danh sách có 743 sinh viên./

HLH

7

